

- Lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn là 150% nhân với lãi suất trong hạn;

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, bà Phạm Thị Ngọc T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 03/01/2024 đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 19/08/2025, bà Phạm Thị Ngọc T1 còn nợ V1 tổng số tiền là:

Nợ gốc: 85,800,000 đồng;

Nợ lãi: 58.455.120 đồng;

Tổng cộng: 144.255.120 đồng;

Hiện tại, V1 cam kết chưa bán khoản vay của bà Phạm Thị Ngọc T1 cho bất kỳ công ty nào. Vì bà Phạm Thị Ngọc T1 đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận thanh toán với V1, vì vậy V1 khởi kiện và đề nghị Tòa án tuyên trong bản án các nội dung sau:

- Buộc bà Phạm Thị Ngọc T1 phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các hợp đồng tạm tính đến ngày 19/08/2025 với tổng số tiền: 144.255.120 đồng, trong đó: Nợ gốc: 85,800,000 đồng; Nợ lãi: 58.455.120 đồng.

- Buộc bà Phạm Thị Ngọc T1 tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi bà T1 thanh toán hết nợ cho V1.

- Bà Phạm Thị Ngọc T1 phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T1 thanh toán cho V1 số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/01/2026 tổng số tiền là: 171.794.469 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 85.800.000 đồng; Nợ lãi: 85.994.469 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T1 để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà Phạm Thị Ngọc T1 không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Về chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Phạm Thị Ngọc T1 phải thanh toán nợ vay

tính đến ngày 30/01/2026 tổng số tiền là: 171.794.469 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 85.800.000 đồng; Nợ lãi: 85.994.469 đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy:

Ngày 23/11/2023 Ngân hàng TMCP V và bà Phạm Thị Ngọc T1 có ký Hợp đồng cấp tín dụng số: LD2332701855. Theo nội dung của hợp đồng Ngân hàng TMCP V cho bà T1 vay số tiền: 90.800.000 đồng; thời hạn cho vay: 60 tháng; mục đích vay: Vay tiêu dùng. Lãi suất cho vay trong hạn: 39%/năm, sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay mức lãi suất cho vay trong hạn tại điểm a khoản 6 được điều chỉnh 43%/năm và sau đó được cố định trong suốt thời hạn cho vay còn lại. Lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn là: 150% nhân với lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, bà T1 đã thanh toán được số tiền nợ gốc là: 5.000.000 đồng và nợ lãi: 7.869.128 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 03/01/2025, bà Phạm Thị Ngọc T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, bà Phạm Thị Ngọc T1 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết như trong hợp đồng tín dụng. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T1.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 8.589.723 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng Điều 463, 464, 465 Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Phạm Thị Ngọc Thảo

Xử:

1. Buộc bà Phạm Thị Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 30/01/2026 với tổng số tiền là: 171.794.469 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 85.800.000 đồng; Nợ lãi: 85.994.469 đồng (lãi trong hạn: 3.783.748 đồng, lãi quá hạn: 82.210.721 đồng).

2. Kể từ ngày 31/01/2026 bà Phạm Thị Ngọc T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cấp tín dụng số: LD2332701855 ngày 23/11/2023 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay

phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 8.589.723 đồng bà Phạm Thị Ngọc T1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP V đã nộp là: 3.606.378 đồng theo biên lai thu số 0006257 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRƯỞNG THANH PHÚC

